

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nợ chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Thuyền

2. Bà Trần Thị Bích Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nợ chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Q; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh S; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ngân hàng X; địa chỉ: Tòa nhà X, Khu Y, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng X:

- Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc Ngân hàng X, là người đại diện theo pháp luật;

- Ông Nguyễn Minh N - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện M, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19-9-2019).

3.2. Bà Nguyễn Thị S1; địa chỉ: Thôn Z, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Q có mặt; ông S vắng mặt không có lý do; ông N và bà S1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-6-2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01-7-2020; các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh S tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1991. Từ đó đến nay, bà và ông S chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thường xuyên uống rượu về gây gỗ đánh đập bà; bà có khuyên bảo nhiều lần nhưng ông S vẫn không thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn. Nay bà không thể chung sống với ông S được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; Nguyễn Thị M, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2001. Hiện nay các con của bà và ông S đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay bà và ông S đang còn nợ Ngân hàng X số tiền 16.000.000đồng và nợ bà Nguyễn Thị S1 03 chỉ vàng 9999. Khi ly hôn, bà yêu cầu ông S chịu trách nhiệm trả nợ cho bà S1, bà trả nợ cho Ngân hàng X.

*Tại bản tự khai đề ngày 19-7-2020; biên bản hòa giải ngày 27-8-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc Q có tổ chức lễ cưới từ năm 1991 và chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng chưa có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Nay bà Q yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì vợ chồng đã lớn tuổi, ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Ông và bà Q có 03 con chung như bà Q đã trình bày. Hiện nay các con của ông và bà Q đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Q đang còn nợ Ngân hàng X và bà Nguyễn Thị S1 như bà Q đã trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị S1 03 chỉ vàng 9999, bà Q trả nợ cho Ngân hàng X 16.000.000đồng.

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-7-2020; bản trình bày ngày 23-7-2020; các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng X trình bày:*

Ngày 19-12-2013, ông Nguyễn Thanh S, đại diện cho hộ gia đình đứng tên vay của Ngân hàng X – Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện M theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền vay là 26.000.000đồng; lãi suất là 7,8%/năm; thời hạn vay đến ngày 19-02-2021. Ngân hàng đã giải ngân cho hộ ông Nguyễn Thanh S vay nhiều lần, với tổng số tiền vay là 26.000.000đồng. Ngày 19-3-2018 hộ ông S đã trả cho Ngân hàng 10.000.000đồng tiền gốc. Tính đến ngày 23-7-2020 hộ ông Nguyễn Thanh S còn nợ Ngân hàng X tổng số tiền là 16.012.309đồng, trong đó: Nợ gốc là 16.000.000đồng; nợ lãi là 12.309đồng. Nay vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Ngọc Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S, bà Q cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng trước khi ly hôn.

*Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 16-7-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S1 trình bày:*

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, trong đó có nội dung bà có cho vợ chồng con trai bà mượn 03 chỉ vàng, nhưng đây là chuyện riêng của mẹ con bà nên bà và con trai bà tự thu xếp với nhau. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc bà cho mượn 03 chỉ vàng nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Ngọc Q khởi kiện thì ông Nguyễn Thanh S đang cư trú tại Thôn Y, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng X có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Thanh S trả tổng số nợ vay tạm tính đến ngày 23-7-2020 là 16.012.309đồng. Vì vậy, Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập tranh chấp về nợ chung khi ly hôn để giải quyết trong cùng vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q thì ông S và bà Q được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1991 và chung sống với nhau như vợ chồng từ đó đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông S và bà Q phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ tại đơn xin xác nhận giấy kết hôn ngày 19-3-2020.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay. Tuy nhiên, từ khi chung sống như vợ chồng đến nay, ông S và bà Q không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; Nguyễn Thị M, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2001. Hiện nay các con chung của ông S, bà Q đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày vợ chồng đang nợ Ngân hàng X 16.000.000đồng và nợ bà Nguyễn Thị S1 03 chỉ vàng 9999. Xét các khoản nợ chung của ông S và bà Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.5.1] Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị S1: Tòa án đã triệu tập bà S1 để làm việc về khoản nợ mà bà Q và ông S đã khai. Tuy nhiên, tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 16-7-2020, bà S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với khoản nợ của bà S1, khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.5.2] Đối với khoản nợ của Ngân hàng X: Ngày 23-7-2020, Ngân hàng X có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 23-7-2020 là 16.012.309đồng, trong đó: Nợ gốc là 16.000.000đồng; nợ lãi là 12.309đồng; đồng thời yêu cầu ông S, bà Q tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q thừa nhận hiện nay ông, bà đang nợ Ngân hàng X tổng số tiền đúng như đại diện Ngân hàng X đã trình bày.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q có vay của Ngân hàng X số tiền 26.000.000đồng; tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23-9-2020) thì ông S, bà Q còn nợ Ngân hàng X tổng số tiền là 16.012.300đồng, trong đó: Nợ gốc là 16.000.000đồng; nợ lãi là 12.300đồng. Ông S và bà Q đều thừa nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông S và bà Q phải cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng X. Do ông S và bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nên Ngân hàng X yêu cầu ông S, bà Q phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể: Ông S và bà Q, mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X số tiền là 16.012.300đồng : 2 = 8.006.150đồng.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Q, mỗi người phải chịu 8.006.150đồng x 5% = 400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

Số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà Q phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 9, 14, 16, 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Thanh S có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; Nguyễn Thị M, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2001. Hiện nay các con chung của ông S, bà Q đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Thanh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Thanh S, mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X số tiền 8.006.150đồng (tám triệu không trăm lẻ sáu nghìn một trăm năm mươi đồng), trong đó:

Nợ gốc là 8.000.000đồng (tám triệu đồng).

Nợ lãi là 6.150đồng (sáu nghìn một trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng có mã món vay là SV3090125 (sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay).

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005759 ngày 02-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà Q phải chịu. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q còn phải nộp 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh S phải chịu 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**